

Số: 02/VF1-2010/NQĐH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN 2009 QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VF1)

- Căn cứ vào Giấy phép lập quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, số 01/GP-QĐT ngày 20 tháng 03 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp;
- Căn cứ vào Giấy phép hoạt động của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam số 01/UBCK-ĐKQĐT do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 05 năm 2004.
- Căn cứ vào biên bản kiểm phiếu của Ban Kiểm Phiếu ngày 25/03/2010 về kết quả kiểm phiếu tại Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 của Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam được tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/03/2010.
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2009 số 01/VF1-2010/BBĐH ngày 25/3/2010.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Báo cáo Kiểm Toán năm 2009 của Quỹ đầu tư VF1

Đại hội thông qua báo cáo kiểm toán của Quỹ đầu tư VF1 năm 2009.

Điều 2: Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ đầu tư VF1 năm 2009 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Cổ tức của Quỹ đầu tư VF1 năm 2009 được quyết định là 22%/đơn vị quỹ (tức là 2.200 đồng/đơn vị quỹ) và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 là 5%/đơn vị quỹ (tức là 500 đồng/đơn vị quỹ).

Theo Nghị quyết của Ban đại diện số 01/2009/QĐ-NĐD/VF1 ngày 15/10/2009, Thông báo chấp thuận việc tạm ứng cổ tức của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM số 1784/CNVSD ngày 27/11/2009, Quỹ đầu tư VF1 đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2009 là 12% (tức là 1.200 đồng/đơn vị quỹ) vào ngày 30/12/2009.

Do đó, tỷ lệ cổ tức phân phối đợt 2/2009 là 10% (tức là 1.000 đồng/đơn vị quỹ) và tạm ứng cổ tức đợt 1/2010 là 5%/đơn vị quỹ (tức là 500 đồng/đơn vị quỹ), sẽ được thanh toán sau Đại hội Nhà Đầu tư thường niên 2009.

Điều 3: Kế hoạch hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 năm 2010

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2010 của Quỹ do Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất với nội dung như sau:

Năm 2010 dự báo sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều khó khăn và thách thức mới đối với nền kinh tế và thị trường tài chính toàn cầu thời kỳ hậu khủng hoảng, đặc biệt là một nền kinh tế non trẻ và thị trường tài chính mới nổi như Việt Nam. Chúng tôi nhìn nhận năm 2010 là một năm đầy thách thức cũng như cơ hội đối với hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 nói riêng và cộng đồng đầu tư nói chung. Để nắm bắt kịp thời và tận dụng hiệu quả những cơ hội này nhằm tạo ra giá trị tăng trưởng cho danh mục đầu tư, Quỹ đầu tư VF1 xác định sẽ tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

- Đẩy mạnh việc tái cơ cấu và kiện toàn danh mục với chiến lược đầu tư căn trọng theo tiêu chí và mục tiêu của Quỹ đầu tư cân bằng;
- Đầu tư năng động và thận trọng trên cơ sở cấu trúc danh mục đầu tư cân đối, đa dạng, tận dụng cơ hội cho sự tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ nhưng vẫn bảo đảm được sự an toàn hợp lý cho danh mục đầu tư của Quỹ. Thanh toán các cổ phiếu nhỏ, tiềm năng tăng trưởng thấp, đặc biệt các cổ phiếu chưa niêm yết;
- Áp dụng chiến lược phân bổ tài sản linh hoạt vào cổ phiếu có giá trị niêm yết trung bình ("mid-cap") và cổ phiếu có giá trị niêm yết cao (blue chips) có tính thanh khoản tốt, chú trọng vào hiệu quả hoạt động và tiềm năng tăng trưởng của công ty đầu tư.
- Chú trọng việc tham gia với tư cách nhà đầu tư chiến lược, hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... nhằm làm gia tăng giá trị của chính các công ty này và vì thế gia tăng về mặt giá trị các khoản đầu tư của Quỹ;

Điều 4: Lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ đầu tư VF1 năm 2010.

Đại hội nhà đầu tư thống nhất và đồng ý ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán E&Y, PWC và KPMG để kiểm toán Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2010.

Điều 5: Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VF1

5.1 Bổ sung thêm "Căn cứ pháp lý" ở Mục 1 của Điều lệ cụ thể như sau:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

5.2 Điều chỉnh, bổ sung Điều 19 – Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 19. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư VF1 đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực, ... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - (i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
 - (ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;
2. Việc giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.
3. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF1 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư chấp thuận, kể cả những nhà đầu tư đã từng nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

5.3 Điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 20 – Đại hội nhà đầu tư thường niên - cụ thể như sau:

ĐIỀU 20. Đại hội nhà đầu tư thường niên

Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VF1. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong danh sách vào ngày chốt quyền tham dự đại hội theo thông báo của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp trước khi triệu tập cuộc họp Đại hội đều có quyền tham dự Đại hội.

5.4 Điều chỉnh, bổ sung Điều 21 – Đại hội nhà đầu tư bất thường - cụ thể như sau:

ĐIỀU 21. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:
 - a. Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - b. Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
 - c. Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch;

- d. Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - e. Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;
 - f. Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
 3. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

5.5 Điều chỉnh, bổ sung Điều 22 – Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư - cụ thể như sau:

ĐIỀU 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội nhà đầu tư có các nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Thông qua Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ này, việc niêm yết chứng chỉ quỹ;
2. Quyết định tổng số chứng chỉ quỹ đầu tư được quyền chào bán;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban đại diện Quỹ; Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
4. Xem xét và xử lý các vi phạm của Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức có liên quan gây thiệt hại cho Quỹ đầu tư và nhà đầu tư;
5. Thay đổi chính sách trả cổ tức Quỹ của Quỹ đầu tư;
6. Thay đổi chủ trương, chiến lược quan trọng, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
7. Thông qua, sửa đổi, bổ sung hợp đồng giám sát
8. Thay đổi Công ty quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, hoặc theo quy định của pháp luật;
9. Thay đổi mức phí trả cho Công ty quản lý Quỹ và ngân hàng giám sát;
10. Quyết định thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
11. Trình sổ sách của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của Quỹ tại phiên họp Đại hội Nhà đầu tư;
12. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ VF1.
13. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.
14. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo quy định của Điều lệ này;

5.6 Điều chỉnh, bổ sung Điều 24 – Quyết định của Đại hội nhà đầu tư - cụ thể như sau:

ĐIỀU 24. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, giải thể Quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát phải được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.

4. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - a. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - b. Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - c. Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, thay đổi Ngân hàng giám sát.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.
8. UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

5.7 Điều chỉnh, bổ sung Điều 25 – Tổ chức Ban đại diện quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 25. Tổ chức Ban đại diện quỹ

.....

3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 3 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo.

5.8 Điều chỉnh, bổ sung điểm f khoản 1 Điều 33 – Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 33. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- c. Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;

.....

- f. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VF1 do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận;

5.9 Điều chỉnh, bổ sung tên của Chương XI của Điều lệ cụ thể như sau:

CHƯƠNG XI GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

5.10 Điều chỉnh, bổ sung Điều 47 – Các điều kiện giải thể Quỹ - cụ thể như sau:

ĐIỀU 47. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

- a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
- b. Đại hội nhà đầu tư được quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn trong trường hợp sau::
 - (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

- (ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
- (iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
- (iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
- (v) Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác.

2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

5.11 Bổ sung thêm một Điều luật vào Chương XI của Điều lệ cụ thể như sau:

ĐIỀU BỔ SUNG. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

5.12 Điều chỉnh, bổ sung Phụ lục 4 của Điều lệ cụ thể như sau:

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN QUỸ VÀ THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

I. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ VF1

1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng sẽ được thông báo công khai cho nhà đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VF1 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá, lãi vay ngân hàng [nếu có]...) tại thời điểm định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

- Giá trị của các tài sản và khoản đầu tư của quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:
 - Đối với chứng khoán niêm yết, giá của các chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa hoặc giá trung bình của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
 - Đối với chứng khoán chưa niêm yết và giao dịch tại các công ty chứng khoán, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời không cung cấp giá giao dịch của cổ phiếu nào đó, giá của chứng khoán đó được xác định là giá do chính công ty chứng khoán đó cung cấp tại thời điểm gần nhất, nhưng không quá 12 tháng trước đó.
 - Đối với chứng khoán chưa niêm yết đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, giá của chứng khoán đó được xác định là giá đóng cửa của chứng khoán đó tại ngày định giá.
 - Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá chào mua cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;

- Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá trị của chứng khoán đó được xác định như sau:
 - Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản; hoặc
 - Bằng giá mua trong các trường hợp khác; hoặc
 - Đánh giá theo giá trị đầu tư (cost price).
 - Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu;
 - Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp;
 - Đối với chứng khoán phái sinh, giá các chứng khoán này được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá chứng khoán phái sinh phù hợp;
 - Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 1 năm, và tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm xác định;
 - Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của ngân hàng giám sát và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá;
 - Đối với các khoản đầu tư mà phương pháp tính giá chưa được xác định trên đây sẽ được đánh giá theo giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và không thay đổi trong suốt thời gian mà khoản đầu tư đó chưa được chuyển nhượng.
 - Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan khác đã được ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

II. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG QUỸ ĐẦU TƯ VF1

Công ty quản lý quỹ có thể nhận được từ Quỹ, ngoài phí quản lý, một khoản thường khác gọi là thường hoạt động. Thường hoạt động được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Mức thường được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ. Thường hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ (nếu có) trong năm tính thường và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.
- Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thường bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.
- Mức thường hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.
- Phí thường chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thường được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây). Khoản thường hoạt động mà công ty quản lý quỹ sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thường = 20% x Li

$$Li = V_i - \{V_{i-1} \times (100\% + h + 1\%) + N_i \times [100\% + (h + 1\%) \times d / 365]\}$$

Trong đó:

- Li: khoản liên quan theo đó khoản thường hoạt động hàng năm được tính
- V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.
- V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$
- N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i
- d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i
- h : là chỉ số căn bản, được tính như sau:
- $$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{gb}$$

Trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VF1
- R_{ho} là % tăng trưởng của VNIndex
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VF1
- R_{ha} là % tăng trưởng của HNXIndex
- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa đăng ký giao dịch bao gồm cả trái phiếu, tiền gửi, tiền mặt...

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			NAV thực tế (tỷ đồng)			
	CP niêm yết HOSE (W_{ho})	CP niêm yết HNX (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)	Tổng	Giá trị CP niêm yết HOSE	Giá trị CP niêm yết HNX	Giá trị tài sản khác
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
T1				3,000	1,200	900	900
T2				3,039	1,276	912	851
T3				3,079	1,355	893	831
T4				3,119	1,435	873	811
T5				3,160	1,517	853	790
T6				3,201	1,601	832	768
T7				3,243	1,686	811	746
T8				3,285	1,774	788	723
T9				3,328	1,864	765	699
T10	Phát hành 1000 tỷ			4,371	2,535	962	874
T11				4,428	2,657	930	841
T12				4,485	2,781	897	807
Cả năm (a)	51.95%	24.96%	23.10%	41,738	21,681	10,416	9,641

Ghi chú:

(4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- W_{ho} (1) = (5)/(4) = 21.681/41.738 = 51,95%
- W_{ha} (2) = (6)/(4) = 10.416/41.738 = 24,96%
- W_o (3) = (7)/(4) = 9.641/41.738 = 23,10%

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	(a)	3.000
NAV cuối năm (tỷ)	(b)	4.484
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	(c)	1.000
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	(d)	100
Tăng trưởng Vnindex	(e)	15%
Tăng trưởng HNX index	(f)	14%
Lãi suất TP CP 10 năm	(g)	9%
Chỉ số vượt trội	(h)	1,0%
Chỉ số căn bản	(i) = $W_{ho} \times (e) + W_{ha} \times (f) + W_{ox}(g) =$	14,4%
Li (tỷ)	(k) = $(b) - (a) \times [1+(i)+(h)] - (c) \times \{1+ [(i)+(h)] \times (d)/365\}$	14,66
Thưởng (tỷ)	(n) = 20% x (k)	2,93
Thưởng/NAV (%)		0,07%

Điều 6:

Công nhận kết quả bầu Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều lệ Quỹ

Công nhận kết quả bầu Ban đại diện Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam nhiệm kỳ II (2010 – 2013) theo quy định tại Điều lệ Quỹ gồm các Ông/Bà sau:

- (1) Ông Lưu Đức Khánh
- (2) Bà Nguyễn Bội Hồng Lê
- (3) Ông Đặng Thái Nguyên
- (4) Ông Lê Văn Phú
- (5) Ông Phan Minh Tuấn
- (6) Ông Hoàng Kiên



Danh sách Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 chính thức nhiệm kỳ II (2010 – 2013) như sau:

1. Ông Lưu Đức Khánh – Chủ tịch
2. Bà Nguyễn Bội Hồng Lê – Phó Chủ tịch
3. Ông Hoàng Kiên
4. Ông Phan Minh Tuấn
5. Ông Đặng Thái Nguyên
6. Ông Lê Văn Phú

Điều 7: Hiệu lực Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ban Đại diện

LƯU ĐỨC KHÁNH

NGUYỄN BỘI HỒNG LÊ

LÊ VĂN PHÚ

HOÀNG KIÊN

PHAN MINH TUẤN

ĐẶNG THÁI NGUYÊN

ĐẠI DIỆN CÔNG TY VFM



TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc